

CÔNG TY CỔ  
PHẦN XUẤT  
NHẬP KHẨU  
HÀNG KHÔNG

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG  
DN:  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:  
0100107934, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG,  
L=Quận Long Biên, S=HÀ NỘI, C=VN  
Reason: I am the author of this  
document  
Location: your signing location here  
Date: 2025.02.27 10:42:16+07'00'  
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 40

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT****HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Đào Khắc Hậu	Chủ tịch
Ông Đỗ Khắc Thanh	Ủy viên
Ông Hoàng Việt Dũng	Ủy viên
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Ủy viên
Ông Đinh Ngọc Tùng	Ủy viên

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Đinh Ngọc Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc

**BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban
Bà Tống Thị Thanh Bình	Thành viên
Ông Đinh Phúc Lộc	Thành viên

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đinh Ngọc Tùng**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 20 tháng 02 năm 2025



RSM Việt Nam

Văn phòng Hà Nội  
Tầng 25 Tháp A, toà nhà Discovery Complex,  
số 302 Cầu Giấy, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

T: 024 3795 5353  
F: 024 3795 5252

www.rsm.global/vietnam  
www.rsmhanoi.com.vn

Số: 08/2025/RSMHN-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024  
của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không**

### Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 40. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phân ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**SỨC MẠNH TỪ VIỆC THẤU HIỂU**  
KIỂM TOÁN | THUẾ | TƯ VẤN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Hoàng Thị Vinh**

**Giám đốc Kiểm toán**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1678-2023-026-1

*Thay mặt và đại diện*

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Thành viên Hãng RSM Quốc tế**

*Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025*

**Lê Đại Dương**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
4650-2021-026-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>164.448.611.222</b>	<b>167.551.641.952</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>26.111.721.651</b>	<b>7.556.416.481</b>
1. Tiền	111		26.111.721.651	7.556.416.481
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.750.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	1.750.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>113.224.837.179</b>	<b>146.768.297.533</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	43.641.970.424	37.725.059.978
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	11.801.751.101	53.083.998.432
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	58.533.660.274	55.959.239.123
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(752.544.620)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.7</b>	<b>22.652.300.575</b>	<b>12.382.807.318</b>
1. Hàng tồn kho	141		22.652.300.575	12.956.798.562
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(573.991.244)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>709.751.817</b>	<b>844.120.620</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	42.207.666	329.732.395
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.14	667.544.151	450.884.702
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	-	63.503.523
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7.826.797.445</b>	<b>10.093.809.515</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.520.770.106</b>	<b>7.931.704.803</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	5.962.321.719	7.093.656.416
Nguyên giá	222		20.427.146.451	22.779.527.138
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.464.824.732)	(15.685.870.722)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	558.448.387	838.048.387
Nguyên giá	228		2.513.380.500	2.513.380.500
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.954.932.113)	(1.675.332.113)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>4.11</b>	<b>917.420.492</b>	<b>1.360.861.648</b>
Nguyên giá	231		14.592.093.630	14.592.093.630
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.674.673.138)	(13.231.231.982)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>388.606.847</b>	<b>801.243.064</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	388.606.847	801.243.064
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>172.275.408.667</b>	<b>177.645.451.467</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>133.696.012.957</b>	<b>140.232.238.950</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>115.946.638.472</b>	<b>138.877.408.950</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	14.982.211.523	8.346.422.815
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	-	10.346.023.328
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	647.888.158	278.637.047
4. Phải trả người lao động	314		3.958.625.963	3.913.318.220
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		73.680.000	269.464.595
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		236.513.130	36.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	63.637.379.780	53.889.392.555
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	32.157.464.403	61.687.265.762
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		252.875.515	110.884.628
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.749.374.485</b>	<b>1.354.830.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	17.749.374.485	1.354.830.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>4.17</b>	<b>38.579.395.710</b>	<b>37.413.212.517</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>38.579.395.710</b>	<b>37.413.212.517</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.112.830.000	31.112.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.112.830.000	31.112.830.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.910.890	9.910.890
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.473.497.115	1.473.497.115
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.983.157.705	4.816.974.512
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.211.304.496	908.985.642
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.771.853.209	3.907.988.870
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>172.275.408.667</b>	<b>177.645.451.467</b>

**Đinh Ngọc Tùng**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 20 tháng 02 năm 2025

**Nguyễn Thế Đắc**  
**Kế toán trưởng****Hoàng Thị Bích Hương**  
**Người lập**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
<b>1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>5.1</b>	<b>329.859.793.051</b>	<b>204.268.509.037</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>329.859.793.051</b>	<b>204.268.509.037</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	293.423.583.040	171.411.273.774
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>36.436.210.011</b>	<b>32.857.235.263</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		503.861.221	412.065.008
7. Chi phí tài chính	22	5.3	2.935.099.050	1.140.012.264
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.075.264.487	946.902.469
8. Chi phí bán hàng	25	5.4	6.601.149.739	5.734.521.576
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	21.613.235.220	21.061.018.674
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>5.790.587.223</b>	<b>5.333.747.757</b>
11. Thu nhập khác	31		293.976.121	23.952.901
12. Chi phí khác	32		48.198.081	104.160.937
<b>13. Lợi nhuận/(lỗ) khác</b>	<b>40</b>		<b>245.778.040</b>	<b>(80.208.036)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>6.036.365.263</b>	<b>5.253.539.721</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.6	1.264.512.054	1.345.550.851
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>4.771.853.209</b>	<b>3.907.988.870</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.4	1.534	1.097
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.4	1.534	1.097

**Đinh Ngọc Tùng**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 20 tháng 02 năm 2025

**Nguyễn Thế Đắc**  
**Kê toán trưởng****Hoàng Thị Bích Hương**  
**Người lập**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>5.6</b>	<b>6.036.365.263</b>	<b>5.253.539.721</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.7	2.784.375.853	2.796.036.943
- Các khoản dự phòng	03	5.7	752.544.620	-
- Lỗi chênh lệch TGHĐ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.3	249.314.221	45.876.345
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(248.237.673)	(23.286.289)
- Chi phí lãi vay	06	5.3	2.075.264.487	946.902.469
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>11.649.626.771</b>	<b>9.019.069.189</b>
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09		35.254.276.693	(54.171.399.232)
- (Tăng) hàng tồn kho	10		(10.269.493.257)	(2.434.891.867)
- Tăng các khoản phải trả	11		11.929.774.713	14.851.987.481
- Giảm chi phí trả trước	12		700.160.946	520.995.583
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.143.583.628)	(890.583.328)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.6	(907.831.762)	(1.657.710.950)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (i)	16		7.198.165.783	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (i)	17		-	(13.554.534.051)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>53.411.096.259</b>	<b>(48.317.067.175)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(665.000.000)	(1.767.560.874)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		224.318.182	-
3. Tiền chi cho vay, mua các CCN của đơn vị khác	23	4.2	(1.750.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.919.491	23.286.289
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.166.762.327)</b>	<b>(1.744.274.585)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.16	50.472.159.623	72.841.973.681
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.16	(80.001.960.982)	(21.236.709.125)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.164.477.300)	(1.928.048.220)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(32.694.278.659)</b>	<b>49.677.216.336</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>18.550.055.273</b>	<b>(384.125.424)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4.1</b>	<b>7.556.416.481</b>	<b>7.935.462.995</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.249.897	5.078.910
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4.1</b>	<b>26.111.721.651</b>	<b>7.556.416.481</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(i) Đây là dòng tiền thuần giữa khoản phải thu khác (khoản chi hộ người giao ủy thác) và khoản phải trả khác (khoản còn phải trả nhà cung cấp) có liên quan đến hoạt động ủy thác nhập khẩu và tiền chi từ quỹ khen thưởng phúc lợi. Dòng tiền thuần này được trình bày là chi khác hoặc thu khác cho hoạt động kinh doanh nếu có chênh lệch giữa phải thu khác và phải trả khác tương ứng cho dòng tiền ra hoặc dòng tiền vào.



**Đinh Ngọc Tùng**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 20 tháng 02 năm 2025

**Nguyễn Thế Đắc**  
**Kê toán trưởng**

**Hoàng Thị Bích Hương**  
**Người lập**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không. Ngày 17/10/2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107934 ngày 18/5/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất vào ngày 03/01/2025 để thay đổi thông tin thể căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật.

Ngày 26/10/2010, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là ARM theo Giấy chứng nhận niêm yết cổ phiếu số 92/GCN-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 06/10/2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 31.112.830.000 VND, chia thành 3.111.283 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 85 người (tại ngày 01/01/2024 là 81 người).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh thương mại liên quan đến ngành hàng không.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh thương mại, thiết bị chuyên dụng, vật tư và phụ tùng cho ngành hàng không;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kho ngoại quan;
- Dịch vụ ủy thác, xuất nhập khẩu kê khai hải quan;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa thiết bị phòng cháy chữa cháy;
- Lắp đặt, sửa chữa thiết bị điện dân dụng.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tính đến ngày 31/12/2024, Công ty có Chi nhánh phụ thuộc như sau: Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (TP Hà Nội) tại phòng 408, số 49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh với mã số thuế là 0100107934-001.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

**3.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

36178  
CÔNG  
TNH  
TOÁN  
VIỆ  
CHI NI  
HÀ I  
GIẤY

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền hoặc thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

**3.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa văn phòng;
- Chi phí thuê dịch vụ phần mềm quản trị doanh nghiệp;
- Các chi phí trả trước khác.

**3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn (tiếp)**

	<b>Thời gian sử dụng ước tính (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	05
Phương tiện vận tải	04 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.8 Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

**3.9 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

***Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư***

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

***Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

	<b>Thời gian sử dụng ước tính (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.10 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

**3.11 Vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.12 Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ; tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.13 Doanh thu, thu nhập khác**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó.

**Lãi tiền gửi**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

178  
CÔNG  
TY  
CÁNH  
VI  
HỊ N  
HÀ  
HÀ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.14 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.15 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**3.16 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bán hàng, chi phí vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê văn phòng, thuế môn bài; Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách,...).

**3.17 Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp". Theo đó, các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ, số dư phải thu khác và phải trả khác của hoạt động ủy thác xuất nhập khẩu và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập Bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

**3.18 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

001-C  
TY  
TU VAI  
T NAI  
ANH  
OI  
T.P HP

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.18. Chi phí đi vay (tiếp)**

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.21. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán. Trong năm, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

▪ Dịch vụ vận chuyển quốc tế	0%
▪ Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu	10%
▪ Dịch vụ vận chuyển nội địa	10%
▪ Dịch vụ cho thuê văn phòng	10%
▪ Các hàng hóa dịch vụ khác	10%

Theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 110/2023/QH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29/11/2023 và Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 142/2024/QH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29/6/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

***Các loại thuế khác***

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	170.359.983	261.509.739
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.941.361.668	7.294.906.742
<b>Cộng</b>	<b>26.111.721.651</b>	<b>7.556.416.481</b>

**4.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.750.000.000	1.750.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.750.000.000</b>	<b>1.750.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(i) Đây là khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,3%/năm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương.

**4.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
<b>Phải thu từ các bên liên quan</b>	<b>28.426.587.180</b>	<b>33.931.100.994</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	27.392.188.487	20.174.846.414
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	470.510.293	13.592.518.580
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	563.888.400	163.736.000
<b>Phải thu bên thứ ba</b>	<b>15.215.383.244</b>	<b>3.793.958.984</b>
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	5.753.847.273	-
Công ty CP Giáo dục Tư duy và Sáng tạo Quốc tế CMS	1.559.402.937	1.581.981.948
Công ty TNHH Công nghệ Kỹ thuật Hàng không Việt Nam Singapore	514.167.623	716.545.374
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội	5.920.992.000	-
Đối tượng khác	1.466.973.411	1.495.431.662
<b>Cộng</b>	<b>43.641.970.424</b>	<b>37.725.059.978</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
<b>Trả trước cho bên liên quan</b>	<b>110.870.314</b>	<b>110.870.314</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	110.870.314	110.870.314
<b>Trả trước cho bên thứ ba</b>	<b>11.690.880.787</b>	<b>52.973.128.118</b>
Công ty TNHH TM-DV Xuất nhập khẩu An Tâm	-	35.295.839.700
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật và Thương mại Hàn Việt	-	5.629.316.000
Công ty CP Thuận Quốc	4.703.798.620	7.574.609.148
Công ty TNHH In Thành Đô	4.057.101.740	3.446.185.400
Công ty TNHH Yahon	2.240.958.100	-
Công ty khác	689.022.327	1.027.177.870
<b>Cộng</b>	<b>11.801.751.101</b>	<b>53.083.998.432</b>

**4.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>53.485.335.774</b>	<b>44.956.625.167</b>
Phải thu về ủy thác	53.485.335.774	44.956.625.167
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	26.664.396.769	13.803.730.274
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	26.820.939.005	31.152.894.893
<b>Phải thu bên thứ ba</b>	<b>5.048.324.500</b>	<b>11.002.613.956</b>
Phải thu về ủy thác	4.487.649.998	10.399.843.720
Ký cược, ký quỹ	323.440.368	252.440.368
Tạm ứng	-	126.852.660
Phải thu khác	237.234.134	223.477.208
<b>Cộng</b>	<b>58.533.660.274</b>	<b>55.959.239.123</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty CP Giáo dục Tư duy và Sáng tạo Quốc tế CMS (i)	752.544.620	-
<b>Cộng</b>	<b>752.544.620</b>	<b>-</b>

(i) Công ty trích lập dự phòng khoản phải thu về cho thuê văn phòng của Công ty CP Giáo dục Tư duy và Sáng tạo Quốc tế CMS theo Biên bản họp tổ xử lý công nợ số 3589/2024/BB-XNK ngày 27/12/2024.

**4.7 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
<b>Giá gốc</b>	<b>22.652.300.575</b>	<b>12.956.798.562</b>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	1.671.200.000	573.991.244
Hàng hóa	20.981.100.575	11.967.691.030
Hàng gửi bán	-	415.116.288
<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	<b>-</b>	<b>(573.991.244)</b>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	(573.991.244)
<b>Cộng</b>	<b>22.652.300.575</b>	<b>12.382.807.318</b>

(i) Đây là chi phí thực hiện các hợp đồng dịch vụ vận chuyển cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP chưa hoàn thành tính đến ngày 31/12/2024.

**4.8 Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	42.207.666	329.732.395
<b>Cộng</b>	<b>42.207.666</b>	<b>329.732.395</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí thiết bị, CCDC chờ phân bổ	157.973.518	209.129.464
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	288.080.267
Chi phí thuê dịch vụ phần mềm quản trị doanh nghiệp	217.800.000	277.200.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	12.833.329	26.833.333
<b>Cộng</b>	<b>388.606.847</b>	<b>801.243.064</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.9 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2024	11.643.134.734	1.002.378.394	6.047.021.070	4.086.992.940	22.779.527.138
Mua sắm			-	930.000.000	930.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(512.825.738)	-	(1.258.099.571)	(1.511.455.378)	(3.282.380.687)
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>11.130.308.996</b>	<b>1.002.378.394</b>	<b>4.788.921.499</b>	<b>3.505.537.562</b>	<b>20.427.146.451</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2024	7.414.724.627	1.002.378.394	3.291.185.416	3.977.582.285	15.685.870.722
Khấu hao	1.366.564.598	-	587.119.284	107.650.815	2.061.334.697
Thanh lý, nhượng bán	(512.825.738)	-	(1.258.099.571)	(1.511.455.378)	(3.282.380.687)
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>8.268.463.487</b>	<b>1.002.378.394</b>	<b>2.620.205.129</b>	<b>2.573.777.722</b>	<b>14.464.824.732</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2024	4.228.410.107	-	2.755.835.654	109.410.655	7.093.656.416
Tại ngày 31/12/2024	2.861.845.509	-	2.168.716.370	931.759.840	5.962.321.719

Tại ngày 31/12/2024, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 9.676.946.943 VND (tại ngày 01/01/2024 là 7.544.206.929 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.10 Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2024	2.513.380.500	2.513.380.500
Tại ngày 31/12/2024	2.513.380.500	2.513.380.500
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2024	1.675.332.113	1.675.332.113
Khấu hao	279.600.000	279.600.000
Tại ngày 31/12/2024	1.954.932.113	1.954.932.113
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2024	838.048.387	838.048.387
Tại ngày 31/12/2024	558.448.387	558.448.387

Tại ngày 31/12/2024, nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.115.380.500 VND (tại ngày 01/01/2024 là 1.115.380.500 VND).

**4.11 Bất động sản đầu tư**

	Tại ngày 01/01/2024 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2024 VND
<b><u>Bất động sản đầu tư cho thuê</u></b>				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	14.592.093.630	-	-	14.592.093.630
<b>Cộng</b>	<b>14.592.093.630</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.592.093.630</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	13.231.231.982	443.441.156	-	13.674.673.138
<b>Cộng</b>	<b>13.231.231.982</b>	<b>443.441.156</b>	<b>-</b>	<b>13.674.673.138</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.360.861.648			917.420.492
<b>Cộng</b>	<b>1.360.861.648</b>			<b>917.420.492</b>

Tại ngày 31/12/2024, nguyên giá bất động sản đầu tư hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 5.855.958.417 VND (tại ngày 01/01/2024 là 5.855.958.417 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	<b>25.445.525</b>
Công ty CP Cung ứng Lao động Hàng không	-	23.585.355
Công ty CP Giao nhận Hàng hóa NASCO	-	1.860.170
<b>Phải trả người bán bên thứ ba</b>	<b>14.982.211.523</b>	<b>8.320.977.290</b>
Công ty TNHH Hangzhou Fuyang Zhiyi Technology	1.754.740.476	2.092.734.000
Công ty TNHH Allainz Technics	-	2.651.470.470
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật và Thương mại Hàn Việt	5.581.548.000	-
Công ty khác	7.645.923.047	3.576.772.820
<b>Cộng</b>	<b>14.982.211.523</b>	<b>8.346.422.815</b>

**4.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
<b>Bên thứ ba trả tiền trước</b>	-	<b>10.346.023.328</b>
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	-	9.727.534.800
Allainz Technics (Singapore) Pte Ltd.	-	618.488.528
<b>Cộng</b>	-	<b>10.346.023.328</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2024		Trong năm		Tại ngày 31/12/2024	
	Số dư	VND	Tăng	VND	Số dư	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	450.884.702		19.573.647.609	19.356.988.160	667.544.151	
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-		22.608.766.690	22.608.766.690	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	63.503.523		907.831.762	1.264.512.054	-	293.176.769
Thuế thu nhập cá nhân	-	278.637.047	1.330.448.184	1.406.522.526	-	364.711.389
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-		1.816.276.626	1.816.276.626	-	
Các loại thuế khác	-		4.120.000	4.120.000	-	
<b>Cộng</b>	<b>63.503.523</b>	<b>278.637.047</b>	<b>26.667.443.262</b>	<b>27.100.197.896</b>	<b>-</b>	<b>647.888.158</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.15 Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>6.238.472.166</b>	<b>9.766.684.848</b>
Phải trả, phải nộp về ủy thác	3.948.495.552	7.529.902.534
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	3.948.495.552	7.529.902.534
Phải trả về ứng thuế nhập khẩu	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	2.000.000.000	2.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	289.976.614	236.782.314
<b>Phải trả bên thứ ba</b>	<b>57.398.907.614</b>	<b>44.122.707.707</b>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	479.417.750
Các khoản phải trả, phải nộp về ủy thác	56.011.104.966	42.262.619.187
Công ty ROHR	9.179.726.977	5.135.627.375
Công ty TNHH Viet Sun Global	3.917.799.765	4.771.240.976
Công ty TNHH Toàn cầu Khải Minh	1.865.638.674	3.535.126.753
Công ty International Aircraft Engineer	2.453.084.062	2.679.566.945
Công ty Boeing	4.040.606.618	2.089.133.321
Công ty Amsafe	739.957.444	2.117.517.352
Công ty ATR	11.208.882.019	4.660.502.409
Công ty PROPONENT	4.311.621.701	3.077.434.495
Công ty FW Aviation	2.335.038.312	2.562.029.874
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	1.498.705.422	1.874.007.748
Công ty Be Aerospace	3.137.570.313	830.265.058
Các công ty khác	11.322.473.659	8.930.166.881
Phải trả về ứng tiền thuế nhập khẩu	6.986.544	288.095.097
Phải trả khác	1.380.816.104	1.092.575.673
<b>Cộng</b>	<b>63.637.379.780</b>	<b>53.889.392.555</b>
<b>Dài hạn</b>		
<b>Các khoản phải trả bên thứ ba</b>	<b>17.749.374.485</b>	<b>1.354.830.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	17.749.374.485	1.354.830.000
Công ty FW Aviation (i)	16.352.256.735	-
Công ty khác	1.397.117.750	1.354.830.000
<b>Cộng</b>	<b>17.749.374.485</b>	<b>1.354.830.000</b>

(i) Khoản Công ty FW Aviation ký cược, ký quỹ để Công ty thực hiện dịch vụ vận chuyển theo Phụ lục 02 Hợp đồng số 01-2023/AIRIMEX-FWCAS ngày 17/12/2024.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**  
Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHI TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 01/01/2024		Trong năm		Tại ngày 31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (i)	13.348.018.611	13.348.018.611	10.743.072.729	11.885.959.800	12.205.131.540	12.205.131.540
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương (ii)	26.168.527.151	26.168.527.151	37.500.086.894	45.945.281.182	17.723.332.863	17.723.332.863
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch 1	22.170.720.000	22.170.720.000	-	22.170.720.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Đống Đa (iii)	-	-	2.229.000.000	-	2.229.000.000	2.229.000.000
<b>Cộng</b>	<b>61.687.265.762</b>	<b>61.687.265.762</b>	<b>50.472.159.623</b>	<b>80.001.960.982</b>	<b>32.157.464.403</b>	<b>32.157.464.403</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**  
Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp)**

Bên cho vay	Hợp đồng	Số tiền vay /Hạn mức vay (tỷ VND)	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn hiệu lực của hạn mức vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
(i) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	01/2024- HDCVHMTG/NHCT14 6-ARIMEX	30	Lãi suất được xác định theo thông báo tại ngày 25 hàng tháng	Từ ngày 31/7/2024 đến ngày 31/7/2025	Bổ sung vốn lưu động	Không có
(ii) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương	143/24/CTD/CBCD- AIRIMEX	35	Lãi suất điều chỉnh theo từng Giấy nhận nợ	Từ ngày 06/12/2024 đến ngày 05/12/2025	Quy định trên từng giấy nhận nợ	Không có
(iii) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Đống Đa	1504-LAV-202400598	49,5	Lãi suất cố định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	Từ ngày 29/10/2024 đến ngày 10/10/2025	Bổ sung vốn lưu động	Không có

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.17 Vốn chủ sở hữu****4.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của	Thặng dư	Quỹ khác thuộc	LNST	Cộng
	chủ sở hữu	vốn cổ phần	vốn chủ sở hữu	chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>31.112.830.000</b>	<b>9.910.890</b>	<b>1.473.497.115</b>	<b>3.098.008.453</b>	<b>35.694.246.458</b>
Lãi trong năm	-	-	-	3.907.988.870	3.907.988.870
Trả cổ tức	-	-	-	(1.866.769.800)	(1.866.769.800)
Thường HĐQT, Ban Kiểm soát	-	-	-	(84.949.315)	(84.949.315)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(237.303.696)	(237.303.696)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>31.112.830.000</b>	<b>9.910.890</b>	<b>1.473.497.115</b>	<b>4.816.974.512</b>	<b>37.413.212.517</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>	<b>31.112.830.000</b>	<b>9.910.890</b>	<b>1.473.497.115</b>	<b>4.816.974.512</b>	<b>37.413.212.517</b>
Lãi trong năm	-	-	-	4.771.853.209	4.771.853.209
Trả cổ tức (i)	-	-	-	(3.111.283.000)	(3.111.283.000)
Thường HĐQT, Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	(103.588.129)	(103.588.129)
Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(390.798.887)	(390.798.887)
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>31.112.830.000</b>	<b>9.910.890</b>	<b>1.473.497.115</b>	<b>5.983.157.705</b>	<b>38.579.395.710</b>

(i) Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, trả cổ tức năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 19/2024/INQ-ĐHĐCĐ-XNK ngày 24/4/2024. Theo đó, thời gian chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2023 (bảng tiền) là ngày 24/5/2024.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.17 Vốn chủ sở hữu (tiếp)****4.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	12.852.000.000	41	12.852.000.000	41
Ông Đào Khắc Hậu	7.777.780.000	25	7.777.780.000	25
Ông Đào Anh Hùng	3.552.930.000	11	3.552.930.000	11
Ông Lê Văn Kim	2.037.070.000	7	2.037.070.000	7
Các cổ đông khác	4.893.050.000	16	4.893.050.000	16
<b>Cộng</b>	<b>31.112.830.000</b>	<b>100</b>	<b>31.112.830.000</b>	<b>100</b>

**4.17.3 Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.111.283	3.111.283
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.111.283	3.111.283
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	3.111.283	3.111.283
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.111.283	3.111.283
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	3.111.283	3.111.283
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**4.17.4 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.771.853.209	3.907.988.870
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(494.387.016)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	3.111.283	3.111.283
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>1.534</b>	<b>1.097</b>

Hiện tại, Công ty chưa có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động làm suy giảm lãi trên cổ phiếu nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.18 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	77.439,32	36.037,98
- EUR	834,27	644,20

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa	202.611.767.567	100.793.760.091
Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu	42.442.775.963	42.815.937.185
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	69.425.923.814	43.239.883.220
Doanh thu cho thuê văn phòng	13.206.352.373	14.456.795.273
Doanh thu dịch vụ quản lý kho	2.172.973.334	2.962.133.268
<b>Cộng</b>	<b>329.859.793.051</b>	<b>204.268.509.037</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	195.769.769.401	96.501.676.636
Giá vốn của dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu	27.405.562.239	29.119.417.651
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	67.156.990.367	41.556.664.261
Giá vốn của dịch vụ cho thuê văn phòng	1.725.037.033	2.513.015.226
Giá vốn của dịch vụ quản lý kho	1.366.224.000	1.720.500.000
<b>Cộng</b>	<b>293.423.583.040</b>	<b>171.411.273.774</b>

**5.3 Chi phí tài chính**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	2.075.264.487	946.902.469
Lỗi chênh lệch tỷ giá thực hiện	610.520.342	147.233.450
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	249.314.221	45.876.345
<b>Cộng</b>	<b>2.935.099.050</b>	<b>1.140.012.264</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**5.4 Chi phí bán hàng**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	365.332.895	221.025.481
Chi phí dụng cụ đồ dùng	245.659.559	130.464.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	325.663.008	325.663.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.703.469.185	3.769.787.277
Chi phí khác bằng tiền	1.961.025.092	1.287.581.538
<b>Cộng</b>	<b>6.601.149.739</b>	<b>5.734.521.576</b>

**5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.689.549.234	8.747.007.626
Chi phí vật liệu văn phòng	629.533.564	595.452.346
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	154.359.864	159.708.908
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	2.015.271.689	2.017.237.136
Dự phòng phải thu khó đòi	752.544.620	-
Thuế và các khoản lệ phí	325.194.618	199.953.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.897.548.198	5.146.586.290
Chi phí khác bằng tiền	4.149.233.433	4.195.073.333
<b>Cộng</b>	<b>21.613.235.220</b>	<b>21.061.018.674</b>

**5.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**5.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp)**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.036.365.263	5.253.539.721
Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận	286.195.007	499.894.726
Chi phí không được trừ	286.195.007	499.894.726
Lợi nhuận sau điều chỉnh	6.322.560.270	5.753.434.447
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm	6.322.560.270	5.753.434.447
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong năm	1.264.512.054	1.150.686.889
Truy thu thuế TNDN theo Quyết định số 72119/QĐ-CTHN-TTKT10-XPVPHC ngày 09/10/2023	-	194.863.962
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	1.264.512.054	1.345.550.851
Thuế TNDN phải (thu)/nộp đầu năm	(63.503.523)	248.656.576
Thuế TNDN đã trả trong năm	(907.831.762)	(1.657.710.950)
Thuế TNDN phải nộp/(thu) cuối năm	293.176.769	(63.503.523)

**5.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	28.670.746.725	24.013.697.400
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	994.866.459	816.477.827
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	2.784.375.853	2.796.036.943
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.840.358.353	69.538.656.039
Chi phí khác bằng tiền	7.959.322.112	7.727.439.513
Dự phòng phải thu khó đòi	752.544.620	-
Chi phí hàng hóa	192.635.753.877	93.314.506.302
<b>Cộng</b>	<b>321.637.967.999</b>	<b>198.206.814.024</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Bộ phận bán hàng hóa: Bán thiết bị mặt đất, các xe vận chuyển tại sân bay, bán hàng hóa phục vụ trên chuyến bay;
- Bộ phận nhận ủy thác xuất nhập khẩu: Cung cấp dịch vụ xuất, nhập khẩu ủy thác phụ tùng vật tư máy bay;
- Bộ phận dịch vụ vận chuyển: Cung cấp dịch vụ vận chuyển;
- Bộ phận cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng: Cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Bộ phận cung cấp dịch vụ quản lý kho: Cung cấp dịch vụ quản lý kho bãi.

789  
NG  
NH  
AN 8  
L  
NH  
N  
Y

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)****Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)****Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024**

	Bán hàng hóa VND	Nhận ủy thác xuất nhập khẩu VND	Dịch vụ vận chuyển VND	Dịch vụ cho thuê văn phòng VND	Dịch vụ quản lý kho VND	Loại trừ VND	Cộng VND
<b>Tài sản</b>							
Tài sản của bộ phận	57.945.569.860	70.509.486.729	4.376.900.000	2.580.512.443	122.299.200	-	135.534.768.232
Tài sản không phân bổ							36.740.640.435
<b>Tổng tài sản</b>							<b>172.275.408.667</b>
<b>Nợ phải trả</b>							
Nợ phải trả của bộ phận	10.703.721.884	63.327.597.026	19.820.648.387	1.633.630.880	-	-	95.485.598.177
Nợ phải trả không phân bổ							38.210.414.780
<b>Tổng nợ phải trả</b>							<b>133.696.012.957</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)****Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)****Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**

	Bán hàng hóa VND	Nhận ủy thác xuất nhập khẩu VND	Dịch vụ vận chuyển VND	Dịch vụ cho thuê văn phòng VND	Dịch vụ quản lý kho VND	Loại trừ VND	Cộng VND
<b>Doanh thu</b>							
Từ khách hàng bên ngoài	202.611.767.567	42.442.775.963	69.425.923.814	13.206.352.373	2.172.973.334	-	329.859.793.051
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>202.611.767.567</b>	<b>42.442.775.963</b>	<b>69.425.923.814</b>	<b>13.206.352.373</b>	<b>2.172.973.334</b>	<b>-</b>	<b>329.859.793.051</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	195.769.769.401	27.405.562.239	67.156.990.367	1.725.037.033	1.366.224.000	-	293.423.583.040
<b>Kết quả kinh doanh</b>							
Kết quả của bộ phận	6.841.998.166	15.037.213.724	2.268.933.447	11.481.315.340	806.749.334	-	36.436.210.011
Chi phí không phân bổ							(28.214.384.959)
<b>Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính</b>							<b>8.221.825.052</b>
Thu nhập tài chính							503.861.221
Chi phí tài chính							(2.935.099.050)
Lợi nhuận khác							245.778.040
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>							<b>6.036.365.263</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(1.264.512.054)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>							<b>4.771.853.209</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)****Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)****Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2024**

Tài sản	Bán hàng hóa VND	Nhận ủy thác xuất nhập khẩu VND	Dịch vụ vận chuyển VND	Dịch vụ cho thuế vận phòng VND	Dịch vụ quản lý kho VND	Loại trừ VND	Cộng VND
Tài sản của bộ phận	86.290.442.826	66.966.669.675	2.251.287.495	4.739.722.503	263.844.000	-	160.511.966.499
Tài sản không phân bổ							17.133.484.968
<b>Tổng tài sản</b>							<b>177.645.451.467</b>
<b>Nợ phải trả</b>							
Nợ phải trả của bộ phận	15.963.533.633	52.080.616.818	1.865.827.202	3.789.908.731	-	-	73.699.886.384
Nợ phải trả không phân bổ							66.532.352.566
<b>Tổng nợ phải trả</b>							<b>140.232.238.950</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)****Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)****Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**

	Bán hàng hóa VND	Nhận ủy thác xuất nhập khẩu VND	Dịch vụ vận chuyển VND	Dịch vụ cho thuê văn phòng VND	Dịch vụ quản lý kho VND	Loại trừ VND	Cộng VND
<b>Doanh thu</b>							
Từ khách hàng bên ngoài	100.793.760.091	42.815.937.185	43.239.883.220	14.456.795.273	2.962.133.268	-	204.268.509.037
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>100.793.760.091</b>	<b>42.815.937.185</b>	<b>43.239.883.220</b>	<b>14.456.795.273</b>	<b>2.962.133.268</b>	<b>-</b>	<b>204.268.509.037</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	96.501.676.636	29.119.417.651	41.556.664.261	2.513.015.226	1.720.500.000	-	171.411.273.774
<b>Kết quả kinh doanh</b>							
Kết quả của bộ phận	4.292.083.455	13.696.519.534	1.683.218.959	11.943.780.047	1.241.633.268	-	32.857.235.263
Chi phí không phân bổ							(26.795.540.250)
<b>Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính</b>							<b>6.061.695.013</b>
Thu nhập tài chính							412.065.008
Chi phí tài chính (Lỗ) khác							(1.140.012.264)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>							<b>5.253.539.721</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(1.345.550.851)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>							<b>3.907.988.870</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty có Chi nhánh đặt tại phòng 408, số 49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh chỉ có nhiệm vụ điều phối hoạt động khu vực miền Nam, toàn bộ doanh thu chỉ phát sinh ở trụ sở chính. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 – Báo cáo bộ phận.

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Giao nhận Hàng hóa NASCO	Công ty trong cùng Tập đoàn
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Cung ứng Lao động Hàng không	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Công ty trong cùng Tập đoàn
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cổ đông lớn	

**Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**Bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2024 VND</u>	<u>Năm 2023 VND</u>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	174.669.739.379	135.855.995.667
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	5.311.253.921	22.289.259.851
Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	114.420.000	-
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	3.164.976.000	235.600.000
<b>Cộng</b>	<b>183.260.389.300</b>	<b>158.380.855.518</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)****Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)****Mua hàng và dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	880.421.829	743.405.035
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	195.954.542	191.454.540
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay tại Thành phố Hồ Chí Minh	312.409.094	163.636.362
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	9.347.500	9.349.833
Công ty CP Cung ứng Lao động Hàng không	274.875.882	262.059.504
Công ty CP Giao nhận Hàng hóa NASCO	815.791	5.717.826
Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	143.703.620	74.074.000
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất	5.340.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.822.868.258</b>	<b>1.449.697.100</b>

**Chi trả cổ tức**

Giao dịch chi trả cổ tức trong năm chi tiết xem tại Thuyết minh 4.17.1 "Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu".

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị ("HĐQT")</b>		
Ông Đào Khắc Hậu      Chủ tịch HĐQT	894.761.595	919.696.481
Ông Đỗ Khắc Thanh      Ủy viên HĐQT	75.915.197	102.584.483
Ông Hoàng Việt Dũng      Ủy viên HĐQT	75.915.197	102.584.483
Bà Nguyễn Hoàng Yến      Ủy viên HĐQT	75.915.197	102.584.483
Ông Đinh Ngọc Tùng      Ủy viên HĐQT	55.680.000	31.847.273
Ông Nguyễn Duy Việt      Ủy viên HĐQT	4.001.919	40.347.390
<b>Cộng</b>	<b>1.182.189.105</b>	<b>1.299.644.593</b>
<b>Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>		
Ông Đinh Ngọc Tùng      Tổng Giám đốc	893.000.637	906.181.818
Ông Phạm Hồng Quang      Phó Tổng Giám đốc	504.931.912	539.439.054
Ông Trần Trung Dũng      Phó Tổng Giám đốc	360.514.487	538.566.229
<b>Cộng</b>	<b>1.758.447.036</b>	<b>1.984.187.101</b>
<b>Tổng thu nhập của Ban Kiểm soát</b>		
Ông Nguyễn Tiến Dũng      Trưởng ban Kiểm soát	58.325.918	81.521.333
Bà Đỗ Thu Hằng      Cựu Trưởng ban Kiểm soát	3.001.439	179.663.283
Bà Tống Thị Thanh Bình      Thành viên Ban Kiểm soát	307.126.349	233.999.858
Ông Đinh Phúc Lộc      Thành viên Ban Kiểm soát	435.824.833	468.138.466
<b>Cộng</b>	<b>804.278.539</b>	<b>963.322.940</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)****Số dư với các bên liên quan**

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh 4.3 "Phải thu ngắn hạn của khách hàng";
- Thuyết minh 4.4 "Trả trước cho người bán ngắn hạn";
- Thuyết minh 4.5 "Phải thu ngắn hạn khác";
- Thuyết minh 4.12 "Phải trả người bán ngắn hạn";
- Thuyết minh 4.15 "Phải trả khác".

**7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**7.3 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán &amp; Tư vấn RSM Việt Nam. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của năm trước được phân loại và trình bày lại để phù hợp với việc trình bày Báo cáo của năm nay.

**Trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số liệu trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND
1.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.17.4	1.256	(159)	1.097
2.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.17.4	1.256	(159)	1.097

**Đình Ngọc Tùng**  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2025

**Nguyễn Thế Đắc**  
Kế toán trưởng

**Hoàng Thị Bích Hương**  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Số: 1021 /2025/XNK-QLCĐ  
V/v: Giải trình biến động LNST năm 2024 tăng  
trên 10% so với cùng kỳ năm trước

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hàng không (Mã chứng khoán ARM) xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế năm 2024 tăng trên 10% so với cùng kỳ năm 2023 vì những lý do sau:

- Về doanh thu: Tổng doanh thu năm 2024 tăng 125,95 tỷ đồng tương đương tăng 61,53% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: doanh thu bán hàng tăng 101,81 tỷ đồng, doanh thu vận chuyển tăng 26,18 tỷ đồng, doanh thu ủy thác; doanh thu cho thuê nhà và doanh thu dịch vụ khác không biến động nhiều.

- Về chi phí: Tổng chi phí năm 2024 tăng 125,17 tỷ đồng tương đương tăng 62,76% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: giá vốn bán hàng hóa tăng 99,26 tỷ đồng; giá vốn dịch vụ vận chuyển tăng 25,6 tỷ đồng; giá vốn dịch vụ khác giảm 2,85 tỷ đồng. Tổng chi phí tăng phù hợp với tốc độ tăng doanh thu.

- Về lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 4,77 tỷ đồng, tăng 0,86 tỷ đồng, tương đương tăng trên 10% so với cùng kỳ năm trước do nguyên nhân kể trên.

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hàng không xin giải trình với UBCKNN, SGDCKHN và các cổ đông của công ty.

Xin trân trọng kính chào!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu văn thư, QLCĐ

